

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 59/2018/HNGĐ-ST

Ngày 10/5/2018

“V/v Ly hôn giữa
chị T và anh T1”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Kim Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Thanh;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

Th ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Hồng Nhung.

Ngày 10 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử công khai vụ án thụ lý số 157/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Huỳnh T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp BC, xã B, huyện C, tỉnh G.

Bị đơn: Anh Trần Quốc T1, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp BC, xã B, huyện C, tỉnh G.

(Chị T, anh T1 có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/3/2018, trong quá trình xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Huỳnh T trình bày:

Chị và anh Trần Quốc T1 tự tìm hiểu và cưới nhau năm 2006, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L năm 2007. Sau khi cưới anh chị sống

hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau. Đến tháng 6/2017 chị nộp đơn xin ly hôn với anh T1 nhưng vì chị còn Thương anh T1 và muốn cho anh T1 cơ hội hàn gắn tình cảm nên chị rút đơn để anh T1 có cơ hội sửa chữa cùng chị chăm lo cho con. Sau khi về chung sống anh T1 không thay đổi tính tình mà còn đánh đập chị, Thông bỏ nhà ra đi. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Quốc T1.
- Về con chung: Có 02 cháu tên Trần Võ Huỳnh Th, sinh ngày 22/10/2007 và Trần Quốc T2, sinh ngày 21/02/2014. Hiện 02 cháu đang sống chung với chị, chị yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng/2 cháu.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo bản tự khai và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Trần Quốc T1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với trình bày của chị Võ Huỳnh T về thời gian, điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay chị T xin ly hôn anh không đồng ý vì anh còn Thương chị T, anh muốn chị T cho anh cơ hội hàn gắn tình cảm.
- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Võ Huỳnh Th, sinh ngày 22/10/2007 và Trần Quốc T2, sinh ngày 21/02/2014. Anh đồng ý để chị T nuôi con, anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng/2 cháu.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn, anh T1 không đồng ý ly hôn với chị T và yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị T có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh T1. Anh T1 có địa chỉ tại địa bàn huyện C nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Chị T và anh T1 có đăng ký kết hôn năm 2007 nên được xem là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận là vợ chồng, chị T xin ly hôn với anh T1 căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị T và anh T1 chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm, chị T đã nộp đơn ly hôn vào tháng 6/2017 nhưng sau đó chị T rút đơn xin ly hôn vì chị còn Thương anh T1, nhưng sau khi chị về chung sống thì anh T1 không thay đổi mà mâu thuẫn càng trầm trọng hơn. Ngày 16/3/2018 chị T tiếp tục nộp đơn yêu cầu ly hôn với anh T1 Tòa án đã tổ chức hòa giải và tạo điều kiện cho anh chị đoàn tụ nhưng không được, đồng thời anh T1 không đưa ra được biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Chị T được ly hôn với anh T1.

[4] Về con chung: Anh chị có hai con chung là Trần Võ Huỳnh Th, sinh ngày 22/10/2007 và Trần Quốc T2, sinh ngày 21/02/2014. Xét thấy, cháu Th trình bày là cháu muốn sống chung với mẹ, cháu Th và cháu T2 đang được chị T nuôi dưỡng, môi trường sống của hai cháu đã ổn định và có điều kiện tốt để phát triển về thể chất và tinh thần. Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Th và cháu T2 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm

sóc. Anh Trần Quốc T1 được quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

[5] Về cấp dưỡng: Anh T1 đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng/2 cháu. Thời hạn cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Th và cháu T2 đủ 18 tuổi và lao động được.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh T1 tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Võ Huỳnh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng, anh Trần Quốc T1 chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 235; Điều 266; Điều 267; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Huỳnh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Huỳnh T được ly hôn với anh Trần Quốc T1.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Võ Huỳnh Th, sinh ngày 22/10/2007 và Trần Quốc T2, sinh ngày 21/02/2014 cho chị Võ Huỳnh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Trần Quốc T1 được quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng: Anh Trần Quốc T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng/2 cháu. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Th và cháu T2 đủ 18 tuổi và lao động được.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Chị Võ Huỳnh T chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm. Được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 15433 ngày 03/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, chị T đã nộp xong án phí.

Anh Trần Quốc T1 phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND H.C;
- Chi cục THADS H.C;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã L;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Kim Loan

